

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 02 - 2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi

con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Thu Thúy

2. Bà Phạm Kim Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1992.

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ liên hệ: ấp B, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Minh K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn chị H và anh K có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày: Chị và anh Trần Minh K có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào năm 2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi, anh K thường xuyên đi nhậu về có

hành vi đánh đập chị. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2022 và chị đã về nhà cha mẹ bên Vị Thủy sinh sống đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh **Trần Minh K**.

- Về con chung: Có 01 con chung **Trần Minh K1**, sinh 21/01/2016 (giới tính: Nam). Hiện nay, con chung đang sống với anh khởi. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh **K** nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh **Trần Minh K** trình bày:* Về quan hệ hôn nhân anh thống nhất với trình bày của chị **H** là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau anh có uống rượu và trong lúc say rượu không bình tĩnh nên anh có đánh vợ, sau đó anh đã hối hận và xin lỗi chị **H**. Nay anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung **Trần Minh K1**, sinh 21/01/2016 (giới tính: Nam). Hiện nay, con chung đang sống với anh **K**; anh không đồng ý ly hôn nên mong muốn vợ chồng cùng nhau nuôi con. Nếu phải ly hôn thì anh đồng ý tiếp tục nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến con chung **Trần Minh K1**: Tòa án đã tiến hành triệu tập để lấy ý kiến của cháu **K1** nhiều lần về nguyện vọng của cháu muốn sống với cha hay với mẹ, nhưng anh **K** không phối hợp dẫn cháu **K1** đến Tòa án.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn chị **H** kiên quyết xin ly hôn và đồng ý giao con chung cho ông **K** nuôi dưỡng; bị đơn anh **K** đồng ý ly hôn và đồng ý nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh **K** yêu cầu chị **H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 900.000 đồng/ tháng đến khi con đủ 18 tuổi và chị **H** đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị **Nguyễn Thu H** khởi kiện anh **Trần Minh K** có địa chỉ cư trú tại **ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang**; chị **H** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh **K** ly hôn, nuôi con nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thu H** và anh **Trần Minh K** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang** vào ngày 15/7/2015 đúng theo quy định của pháp luật, nên quan hệ

hôn nhân có giá trị pháp lý. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị **H** cho rằng anh **K** thường xuyên đi nhậu về có hành vi đánh đập chị, nay tình cảm vợ chồng không còn; còn bị đơn anh **K** thừa nhận anh có hành vi đánh vợ nhưng do trong lúc say rượu. Xét, Tòa án đã tiến hành hòa giải hàn gắn nhưng không thành, tại phiên tòa chị **H** kiên quyết xin ly hôn và anh **K** đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của chị **H** và anh **K** không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị **H** được ly hôn anh **K** là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung **Trần Minh K1**, sinh ngày 21/01/2016, (giới tính: Nam). Hiện nay, con chung đang sống với anh **K**; tại phiên tòa, chị **H** và anh **K** thống nhất giao con chung cho anh **K** tiếp tục nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho anh **K** nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị **H** không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên tòa, anh **K** yêu cầu chị **H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 900.000 đồng/ tháng và chị **H** đồng ý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị **H** phải chịu 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng: Chị **H** phải chịu 300.000 đồng, tổng cộng 600.000 đồng, được chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0000701** ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, chị **H** có nghĩa vụ nộp thêm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh; theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thu H.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thu H** ly hôn với anh **Trần Minh K.**

2. Về con chung: Giao con chung **Trần Minh K1**, sinh ngày 21 tháng 01 năm

2016 (giới tính: Nam) cho anh **Trần Minh K** trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị **Nguyễn Thu H** không ai được quyền cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị **Nguyễn Thu H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung **Trần Minh K1**, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2016 (giới tính: Nam) mỗi tháng số tiền 900.000 đồng/ tháng (chín trăm nghìn đồng/ tháng) đến khi **Trần Minh K1** đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

4. Về tài sản chung: Không có, không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thu H** phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), được chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0000701** ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, chị **Nguyễn Thu H** có nghĩa vụ nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thu H** và bị đơn anh **Trần Minh K** có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp Vị Thanh;
- Cơ quan THADS Tp Vị Thanh;
- UBND xã Hòa Tiến, Tp Vị Thanh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị P